

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

PHAN THANH TÁ

**SINH HOẠT VĂN HÓA CỔ TRUYỀN Ở CÁC LÀNG - XÃ
ĐA TÔN, NINH HIỆP, BÁT TRÀNG HUYỆN GIA LÂM
NGOẠI THÀNH HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI.**

Chuyên ngành : Văn hóa học

Mã số : 62 31 70 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2010

Công trình được hoàn thành tại:

VIỆN VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Võ Quang Trọng

Phản biện 1: **GS.TS. Nguyễn Xuân Kính**

Viện nghiên cứu Văn hóa

Phản biện 2: **GS.TS. Phạm Đức Dương**

Viện nghiên cứu Đông Nam Á

Phản biện 3: **PGS.TS. Nguyễn Văn Huy**

Bảo tàng Dân tộc học

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại:

VIỆN VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số 32, Hà Nam, Đống Đa, Hà Nội

Vào hồi...giờ ngày.....tháng....năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Phan Thanh Tá (2/2008), Từ đường biên văn hóa làng đến đường biên văn hóa dân tộc - quốc gia. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (284)
2. Phan Thanh Tá (12/2008), Về khái niệm sinh hoạt văn hóa cổ truyền, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (294)
3. Phan Thanh Tá (5/2009), Bàn thêm về cơ sở kinh tế xã hội của văn hóa cổ truyền, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (299).

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Những di sản của quá khứ đang tác động như thế nào trong thời hiện đại khi mà cơ sở kinh tế - xã hội của nó đã thay đổi? Nó có tác dụng tích cực hay tiêu cực trong quá trình đổi mới? Đây là vấn đề luôn mang tính thời sự vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn.

1.2. Thời kỳ đổi mới cũng là thời kỳ nông thôn Việt Nam đang trong quá trình đô thị hoá ngày càng mạnh mẽ. Quá trình này diễn ra không đồng đều, ở nông thôn vùng sâu, vùng xa khác với nông thôn sát cạnh đô thị lớn, ở những làng thuần nông khác với làng nông nghiệp bán công hoặc bán thương.

Đó là lý do nghiên cứu sinh chọn đề tài luận án **“Sinh hoạt văn hoá cổ truyền ở ba làng- xã: Đa Tốn, Ninh Hiệp, Bát Tràng, huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội trong thời kỳ đổi mới”**.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1. Các công trình nghiên cứu lý luận về kế thừa và phát huy văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại.

Giáo sư Trần Đình Hượu trong *“Đến hiện đại từ truyền thống”* đã “cắm những tiêu vè” mang tính tổng quát làm cơ sở để những người đến sau đi vào các vấn đề cụ thể hơn.

Thập niên 90 của thế kỷ XX đánh dấu sự xuất hiện hàng loạt công trình liên quan trực tiếp đến các vấn đề vừa nêu. Một số công trình tiêu biểu như:

Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng nền văn hóa ở nước ta, của GS.TS Hoàng Vinh, Viện Văn hóa & Nxb Văn hóa- Thông tin ấn hành năm 1999. Tác giả đã vận dụng lý thuyết xã hội học của József H. Fichter về “những định chế” vào lĩnh vực văn hóa học, được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là “hợp lý, mang tính hệ thống và toàn diện”. Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi phân tích đặc điểm của văn hóa cổ truyền, thực trạng và xu hướng biến đổi của nó trong đời sống xã hội hiện nay trên cơ sở sự biến đổi của các định chế văn hóa.

Công trình *Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn* của PGS.TS. Nguyễn Chí Bền do Nxb Văn hóa Thông tin ấn hành năm 2006. Tác giả đã cung cấp cho nghiên cứu sinh nhiều tri thức lý luận để thực hiện đề tài này.

Năm 2008, công trình *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* của nhiều tác giả, do PGS.TS Nguyễn Duy Bắc chủ biên, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa xuất bản. Sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và các giải pháp xây dựng những giá trị văn

hóa trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta được các tác giả phân tích chủ yếu trên bình diện lý luận từ góc độ chính trị học, triết học văn hóa.

2. Các công trình nghiên cứu thực trạng văn hóa cổ truyền trong bối cảnh xã hội đương đại ở nông thôn Việt Nam, ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và ở vùng ngoại thành Hà Nội.

Nội dung các công trình nghiên cứu này thường được trình bày theo lược đồ “thực trạng, nguyên nhân, giải pháp” cung cấp một khối lượng phong phú số liệu điều tra mô tả hiện trạng các hiện tượng cụ thể, hướng tới những đề xuất thiết thực, hoặc kiến nghị giải pháp cho những vụ việc cụ thể, ít chú ý tới những nhận thức có tính khái quát lý luận.

3. Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến Đa Tôn, Ninh Hiệp, Bát Tràng.

Ba làng- xã này là đối tượng khảo sát trong nhiều công trình của các tác giả nghiên cứu biến đổi xã hội nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng. Trong các tác giả nghiên cứu chủ đề này, GS.TS Tô Duy Hợp từ hướng tiếp cận xã hội học và với lý thuyết “toàn thể luận khinh- trọng” đã dày công nghiên cứu và làm sáng tỏ nhiều đặc điểm cơ cấu tổ chức và xu hướng biến đổi các quan hệ xã hội cơ bản trong các kiểu làng xã thuần nông, làng nghề, làng hỗn hợp nông- công- thương, vạch rõ các nguyên nhân và phân tích các hệ quả kinh tế- xã hội của quá trình đổi mới các quan hệ xã hội cơ bản trong làng xã, nghĩa là nghiên cứu làng xã với tư cách một đơn vị kinh tế, một đơn vị xã hội.

Các công trình nghiên cứu trên là cơ sở và là tiền đề quan trọng gợi mở và giúp cho chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài luận án của mình.

3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận diện thực trạng và xu hướng biến đổi của văn hoá cổ truyền ở các làng xã trong bối cảnh của xã hội hiện nay, khi đất nước đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

3.2. Nhận diện những nhân tố cơ bản tác động đến xu hướng biến đổi của văn hoá cổ truyền trong xã hội đương đại.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu liên ngành được vận dụng để thu thập và xử lý thông tin theo những nguyên tắc của khoa học lịch sử và những nguyên lý văn hoá học.

Phương pháp xã hội học được vận dụng thông qua các khái niệm “định chế xã hội - văn hoá”, phương pháp điều tra xã hội học theo hướng chọn mẫu.

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

5.1. Văn hoá cổ truyền đang tồn tại như thế nào trong đời sống thực tế hiện nay tại ba xã Đa Tôn, Ninh Hiệp, Bát Tràng là đối tượng nghiên cứu của luận án.

5.2. Văn hoá làng là phương thức vận hành của văn hoá cổ truyền, nên đối tượng khảo sát của đề tài không phải chỉ là các hiện tượng văn hoá vật thể hay phi vật thể tồn tại trong không gian làng, mà là chính bản thân cộng đồng văn hoá làng như một chỉnh thể sống động.

5.3. Luận án giới hạn không gian khảo sát tập trung ở ba xã có tính chất chọn mẫu ba loại làng: làng thuần nông, làng nghề và làng hỗn hợp nông- công- thương.

5.4. Những thành tựu của đổi mới chi phối toàn diện đời sống văn hoá xã hội từ những năm đầu của thế kỷ XXI ngày càng rõ nét. Vì vậy, các số liệu điều tra thực địa ưu tiên tính cập nhật.

6. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

1. Vận dụng các khái niệm Xã hội học về *hệ thống định chế xã hội* vào lĩnh vực Văn hóa học để nghiên cứu văn hóa cổ truyền.

2. Làm sáng tỏ sinh hoạt văn hóa cổ truyền và xu hướng biến đổi của nó trong thời kỳ đổi mới ở ba loại làng xã: *làng thuần nông* đang đứng trước làn sóng đô thị hóa; *làng hỗn hợp* trọng thương vùng ngoại vi thành phố, thị xã đang chuyển đổi thành làng phi nông; làng nghề đang chuyển đổi thành *phố làng* trên cơ sở *làng nghề truyền thống*.

3. Làm sáng tỏ những *nhân tố cơ bản* tác động đến xu hướng biến đổi văn hóa cổ truyền trong bối cảnh xã hội hiện nay.

4. Làm sáng tỏ nguyên nhân và hậu quả của xu hướng bảo lưu những *mặt tích cực* của văn hóa cổ truyền

5. Làm sáng tỏ nguyên nhân và tác dụng của xu hướng phát huy những *mặt tích cực* của văn hóa cổ truyền.

7. BỐ CỤC LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, luận án gồm ba chương.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN

1.1. KHÁI NIỆM “VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN”

Xác định khái niệm “văn hoá cổ truyền”, một mặt cần phân biệt với khái niệm “văn hoá truyền thống”, mặt khác, về mốc thời đại lịch sử cần phân biệt “văn hoá cổ truyền” với “văn hoá hiện đại”. Liên quan đến thuật ngữ “văn hoá cổ truyền” còn có thuật ngữ “văn hoá truyền thống”, đôi khi được sử dụng để nói về cùng một đối tượng, là văn hoá của các xã hội truyền thống, những hình thái xã hội xuất hiện trước xã hội hiện đại.

Tiếp nhận thành quả nghiên cứu của các nhà khoa học nêu trên, khái niệm “Văn hoá cổ truyền” trong luận án này được hiểu là một hình thái văn hoá- lịch sử, sản phẩm của xã hội truyền thống. Ở Việt Nam, hình thái văn hoá- lịch sử này đã được thay thế bởi một hình thái văn hoá- lịch sử mới, “văn hoá hiện đại”, trong quá trình giao lưu tiếp xúc với phương Tây, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 với sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Văn hoá cổ truyền được bảo lưu trong xã hội hiện đại bằng nhiều cách. Nhưng bộ phận quan trọng nhất của văn hoá cổ truyền đang là một phần trong đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân, một phần diện mạo văn hoá của họ. Nó không chỉ đang tồn tại mà đang vận hành trong đời sống thường nhật, có tác dụng tích cực hoặc tiêu cực trong nếp sống của người dân làng xã hiện nay. Vì vậy luận án gọi đó là “sinh hoạt văn hóa cổ truyền”

Nói đến văn hoá cổ truyền, là nói đến Nông dân, Nông nghiệp, Xóm làng và Folklore. Luận án không nghiên cứu văn hóa nông thôn nói chung, mà tìm hiểu văn hóa cổ truyền trong đời sống thực tế của một số làng cụ thể như những đơn vị văn hóa, những cộng đồng văn hóa làng. Hiểu văn hoá cổ truyền cũng chính là hiểu văn hoá làng.

1.2. KHÁI NIỆM VĂN HÓA LÀNG

Văn hoá làng là cầu nối của ba vòng tròn đồng tâm mà hạt nhân là người nông dân trồng lúa nước, chủ thể sáng tạo của văn hoá cổ truyền: Nhà- Làng- Nước. Người nông dân Việt Nam sống ở làng, làng mình, chứ không phải sống ở nông thôn chung chung, sống với làng, bán anh em xa mua láng giềng gần.

Nhằm hướng tới nhận diện tổng quát về thực trạng và những xu hướng biến đổi văn hoá cổ truyền trong nông thôn Việt Nam hiện nay, luận án chọn khảo sát một số điểm cụ thể theo một số tiêu chí sau đây:

- Mẫu đại diện cho văn hoá cổ truyền làng Việt.
- Mẫu tiêu biểu cho xu hướng biến đổi văn hoá làng trong thời kỳ đổi mới.
- Mẫu đại diện cho các loại làng Việt.

Phù hợp với các tiêu chí trên, luận án chọn khảo sát ba làng- xã thuộc huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội, trong đó Đa Tốn là làng thuần nông, Bát Tràng là làng nghề, Ninh Hiệp là làng hỗn hợp.

Ba làng- xã này trong cùng một huyện, tương đối gần nhau, nghĩa là khác biệt về môi trường địa lý tự nhiên không lớn. Nhưng phương thức sinh sống và cơ cấu dân cư lại khác nhau. Do vậy, diện mạo và tính chất văn hóa cũng khác nhau.

1.3. ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN

Luận án phân tích đặc điểm sinh hoạt văn hoá cổ truyền như một cấu trúc tổng thể. Vận dụng lý thuyết cấu trúc xã hội - văn hoá của Joseph H. Fichter, luận án phân tích những đặc điểm của văn hoá cổ truyền thông qua các định chế văn hoá- xã hội như những thành tố cấu thành một cộng đồng văn hoá làng, “hệ thống định chế coi như văn hóa toàn diện”

1.3.1. Khái niệm “Định chế” (institution)

Trong xã hội học, định chế (hay thể chế) là một phần của văn hóa, một lĩnh vực hoạt động đã được khuôn mẫu hóa trong đời sống của một dân tộc. Định chế là một cơ cấu tổ chức tương đối ổn định của những khuôn mẫu ứng xử, vai trò và tương quan giữa chúng thực hiện theo một cách thức đã được chế định và thống nhất nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của xã hội.

Hệ thống định chế như là cấu trúc của văn hóa tổng thể, bao gồm sáu phương diện hoặc sáu “tiểu hệ” sau đây:

- *Định chế gia đình* là hệ thống quy tắc ổn định, xác định rành mạch quan hệ tính giao đảm bảo sự di truyền nòi giống của con người.
- *Định chế kinh tế* nhằm đảm bảo sự tồn tại vật chất của con người.
- *Định chế giáo dục* nhằm tổ chức sự trao truyền kiến thức và kinh nghiệm cho thế hệ sau, thực hiện quá trình xã hội hóa cá nhân.
- *Định chế chính trị* nhằm thỏa mãn nhu cầu về hành động tổng quát và trật tự an ninh cộng đồng.
- *Định chế tôn giáo* thỏa mãn các nhu cầu tâm linh của con người.
- *Định chế giải trí* đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi thư giãn về thể xác và tinh thần, bao gồm cả nhu cầu thẩm mỹ.

Mỗi định chế chính yếu, định chế trụ cột này lại bao gồm nhiều định chế thứ yếu, định chế phụ thuộc. Các định chế có mối quan hệ tương liên, tổng thể định chế làm nên diện mạo văn hóa của xã hội toàn bộ.

Cách phân chia này được nhiều nhà nghiên cứu tán thành. Nghiên cứu sinh vận dụng cách phân chia này để phân tích những đặc điểm của văn hóa cổ truyền trên một số phương diện chủ yếu.

1.3.2. Văn hóa kinh tế

Văn hoá cổ truyền Việt Nam là sản phẩm của các xã hội truyền thống. Chế độ sở hữu công xã và chế độ sở hữu Nhà nước (Nhà nước của một ông vua) về ruộng đất là

yếu tố cơ bản quy định thể chế kinh tế và diện mạo văn hoá của các xã hội ấy. Đúng như Anghen đã nhận định, công xã nông thôn là cơ sở tự nhiên của chế độ chuyên chế phương Đông. Bất cứ nơi nào mà hình thức xã hội đó thống ngự thì nó sản sinh và duy trì chế độ chuyên chế. Làm sáng tỏ vấn đề này để nhận thức sâu sắc tính chất, vai trò và xu hướng biến đổi của văn hoá cổ truyền trong thời kỳ đổi mới, khi cơ sở kinh tế xã hội đã hoàn toàn khác.

1.3.3. Văn hóa chính trị

Thể chế chính trị và hệ tư tưởng chi phối sâu sắc các giá trị văn hoá, quy định tính chất và đặc điểm của chúng. Văn hoá cổ truyền và văn hoá hiện đại là sản phẩm của những thể chế chính trị và hệ tư tưởng khác nhau. Vì vậy, sự tồn tại và vận hành của văn hoá cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay không thể không biến đổi theo tính chất của thời đại mới.

Văn hoá cổ truyền là sản phẩm của xã hội mà thể chế chính trị đi từ dân chủ sơ khai đến quân chủ chuyên chế. Theo GS. Vũ Khiêu, chế độ phong kiến Việt Nam “lấy hệ thống quan liêu làm sức mạnh thống trị, lấy chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất làm cơ sở kinh tế, lấy đạo đức Nho giáo làm xiềng xích tư tưởng”.

Nhận thức đầy đủ cái cơ sở kinh tế - xã hội ấy, cái môi trường xã hội đã sản sinh ra văn hoá cổ truyền và quy định bản chất của nó để nhận thức rõ hơn về xu hướng biến đổi và những nhân tố kinh tế- xã hội tác động đến xu hướng biến đổi ấy trong bối cảnh của xã hội hiện nay.

1.3.4. Văn hóa gia đình

Gia đình là cộng đồng văn hoá cơ bản trong sinh hoạt văn hoá cổ truyền. Văn hoá gia đình trong văn hoá cổ truyền Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của học thuyết Nho giáo. Có thể thấy rằng, người nông dân, trước hết là nông dân đồng bằng sông Hồng lấy mô hình “nếp nhà” Nho gia làm khuôn mẫu cho văn hoá gia đình của họ. Nhà nước quân chủ chuyên chế lấy Nho giáo làm công cụ cai trị tư tưởng rất tâm đắc với cái học thuyết văn hoá gia đình kiểu này, đơn giản là vì gia đình trở thành công cụ hữu hiệu thuần hoá con cái, thuần hoá thể hệ trẻ phù hợp với những mong muốn của kẻ cầm quyền.

Mặt khác, ngay trong xã hội chuyên chế ấy, văn hoá gia đình Việt Nam vẫn tồn tại một hệ chuẩn mực của lớp văn hoá bản địa. Đây là những giá trị văn hoá Đông Nam Á cổ đại, nơi người đàn bà có vị trí rất được tôn trọng, cả trong đời sống xã hội cũng như trong đời sống tâm linh. Nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến một đặc điểm của văn hoá cổ truyền Việt Nam, đó là nền văn hoá thiên về “tính nữ”.

1.3.5. Văn hóa giáo dục

Định chế giáo dục trong các xã hội truyền thống khác với định chế giáo dục trong xã hội hiện đại. Đây cũng là một phương diện tạo nên diện mạo văn hoá cổ truyền khác với diện mạo văn hoá hiện đại.

Nền giáo dục Nho học chi phối sâu sắc cả nội dung và diện mạo văn hoá cổ truyền. Khác với thời hiện đại, tầng lớp trí thức tập trung chủ yếu ở đô thị, trong xã hội phong kiến, tầng lớp Nho sĩ lại tập trung chủ yếu ở làng xã. Tư tưởng Nho giáo, vị thế của Nho sĩ trong làng xã, lối sống “gia giáo” của họ tác động sâu sắc đến tư tưởng tình cảm và lối sống của người nông dân, thể hiện rõ nét trong mọi lĩnh vực sinh hoạt văn hoá cổ truyền.

1.3.6. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo

Nghiên cứu văn hoá cổ truyền, nếu chỉ là thống kê, miêu tả những “văn hoá vật thể và phi vật thể” tồn tại trong không gian làng xã thì, theo chúng tôi, chỉ mới nhận diện được phần vỏ, phần xác bên ngoài, chưa nắm bắt được chiều sâu bên trong, phần hồn của nó là hệ tư tưởng làng xã, cái chi phối toàn bộ lối sống, phong tục tập quán, tâm tư tình cảm của người nông dân. Muốn đi sâu vào lĩnh vực này phải tìm hiểu đời sống tâm linh của họ, từ sinh hoạt tín ngưỡng bản địa đến tôn giáo ngoại nhập.

Tín ngưỡng là nội lực bên trong mà các hình thái văn hoá dân gian là phương thức biểu đạt. Chùng nào còn tín ngưỡng, chùng ấy còn chất kết dính của văn hoá cổ truyền. Chùng nào còn những cơ sở kinh tế - xã hội sản sinh và nuôi dưỡng tín ngưỡng và văn hoá cổ truyền thì chúng vẫn còn đất để tồn tại và triển nở.

Tín ngưỡng là một nội dung cơ bản trong hệ tư tưởng làng xã, là môi trường dung hoá, khúc xạ mọi lý thuyết chính trị xã hội và tôn giáo ngoại nhập. Phật giáo, Đạo giáo đến với làng xã Việt Nam đều được tín ngưỡng hoá, làm phong phú cho đời sống tâm linh của người nông dân. Nhưng Nho giáo thì khác.

Dưới chế độ chuyên chế quan liêu, bộ máy cai trị có ý thức biến học thuyết Khổng Tử thành tôn giáo, và Nho giáo đã chi phối toàn diện, sâu sắc đời sống làng xã. Tầng lớp Nho sĩ trở thành kẻ truyền đạo đặc quyền đặc lợi, đặc lực và hữu hiệu.

Nghiên cứu hệ tư tưởng làng xã, từ tín ngưỡng bản địa đến tôn giáo ngoại nhập trong việc hình thành tính cách người nông dân, diện mạo tinh thần, đời sống tâm lý tình cảm của họ với tư cách chủ thể văn hoá là rất cần thiết để nhận thức đúng đắn tác động tích cực và cả tiêu cực của văn hoá cổ truyền trong xã hội hiện đại.

1.4. Biến đổi văn hóa

Văn hoá cổ truyền chứa đựng cả mặt tốt và mặt xấu trong tính cách người nông dân, chủ thể sáng tạo của nó. Khi cơ sở kinh tế - xã hội biến đổi, những nhân tố mới xuất hiện có thể tạo điều kiện tái sinh những giá trị tích cực, ngược lại, sự tồn tại dai dẳng những nhân tố lỗi thời chính là điều kiện thuận lợi cho sự ký sinh những hiện tượng tiêu cực của văn hoá cổ truyền trong xã hội hiện đại.

Nhân tố tác động mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến sự biến đổi văn hóa là “sự vận động và phát triển của đời sống kinh tế- xã hội.”. Xã hội nào văn hóa ấy. Xã hội nông nghiệp sản sinh ra nền văn hóa- văn minh nông nghiệp. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì từng bước sẽ hình thành và phát triển nền văn hóa- văn minh công nghiệp.

Sự biến đổi các giá trị văn hóa dân tộc trong đời sống thực tế đang có tình trạng đan xen phức tạp của nhiều xu hướng biến đổi trái chiều nhau. Có “xu hướng biến đổi tích cực” diễn ra nhanh hoặc chậm, nhưng cũng có “xu hướng biến đổi tiêu cực”, có xu hướng “bảo thủ, lạc hậu, phản khoa học tuyệt đối hóa truyền thống hoặc quay lưng lại với truyền thống”, có xu hướng “phủ nhận những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đề cao các phản giá trị và những quan niệm giá trị lệch lạc du nhập từ nước ngoài vào”.

Tiểu kết

“Văn hoá cổ truyền” được hiểu là một hình thái văn hoá - lịch sử có trước “văn hoá hiện đại”. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc chuyển đổi hai hình thái văn hoá ấy. Nó làm thay đổi hệ giá trị văn hoá cổ truyền và hình thành một hệ giá trị văn hoá mới, một nền văn hoá mới.

Bộ phận quan trọng nhất của văn hoá cổ truyền đang là một phần trong đời sống thực tế của người nông dân, một phần diện mạo văn hoá của họ. Nó không chỉ đang tồn tại mà đang vận hành trong đời sống thường nhật, có cả tác dụng tích cực và tiêu cực trong nếp sống của người dân làng xã hiện nay.

Là phương thức tồn tại của văn hoá cổ truyền, mỗi cộng đồng văn hoá làng cũng là một cộng đồng văn hoá cổ truyền. Dĩ nhiên, văn hoá làng cũng như văn hoá cổ truyền nói chung không nhất thành bất biến. Nó vận động và biến đổi đồng hành với diễn trình văn hóa dân tộc- quốc gia.

Văn hoá, chính trị và kinh tế có mối quan hệ hữu cơ. Những đặc điểm của thể chế kinh tế - chính trị trong xã hội truyền thống quy định những đặc điểm của văn hoá cổ truyền. Văn hoá Việt Nam là một thể thống nhất của văn hoá Nhà - Làng - Nước. Nếu văn hoá làng là phương thức vận hành văn hoá cổ truyền thì văn hoá gia đình là những tế bào cơ bản. Gia đình là đơn vị bảo lưu lâu dài nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá cổ truyền. Diện mạo và những đặc điểm của văn hoá cổ truyền cũng bị quy định bởi diện mạo và những đặc điểm của thể chế giáo dục trong thời đại của nó.

Văn hoá cổ truyền chứa đựng cả mặt tốt và mặt xấu trong tính cách người nông dân, chủ thể sáng tạo của nó. Nó không tồn tại như cũ mà thường xuyên vận động, biến đổi và phát triển phù hợp với yêu cầu của con người mới, xã hội mới. Khi cơ sở kinh tế - xã hội biến đổi, những nhân tố mới xuất hiện sẽ tạo điều kiện tái tạo những giá trị tích cực, ngược lại, sự tồn tại dai dẳng những nhân tố lỗi thời chính là điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi những hiện tượng tiêu cực của văn hoá cổ truyền trong xã hội hiện đại.

CHƯƠNG 2

KHẢO SÁT SINH HOẠT VĂN HÓA CỔ TRUYỀN Ở ĐA TỐN, NINH HIỆP, BÁT TRÀNG

2.1. ĐA TỐN

2.1.1. Không gian tự nhiên- xã hội

Xã Đa Tốn phía Bắc giáp xã Trâu Quỳ, phía Đông giáp xã Kiều Ky, phía Tây giáp xã Bát Tràng và Đông Anh, phía Nam giáp xã Cửu Cao và Phụng Công (nay thuộc huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Diện tích tự nhiên của toàn xã là 716.4ha, trong đó có 470ha đất nông nghiệp. Dân số 11.685 người, bình quân đất nông nghiệp là 0.04ha/người, lao động nông nghiệp chiếm 90%. Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp luôn giao động trong khoảng 42- 50%. Hiện nay, xã đang chuyển sang mô hình đa nghề, kết hợp nông- công- thương nghiệp.

2.1.2. Sinh hoạt văn hóa cổ truyền

2.1.2.1. Văn hóa kinh tế

Từ sau Đổi mới, cơ cấu kinh tế toàn xã đã chuyển biến. Năm 2008, tỷ trọng của các ngành nông - lâm - thủy sản và thương mại - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp lần lượt là 42.25% và 57.75% [103]. Gần đây, nông dân đang chuyển từ sản xuất tiểu nông sang mô hình trang trại. Toàn xã hiện có 301 hộ làm trang trại. *Thực chất của mô hình trang trại là chuyển từ nông nghiệp tự cung tự cấp, khép kín, sang nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Đa Tốn đã tạo ra những cơ hội để nhân dân chuyển đổi tư duy kinh tế.*

2.1.2.2. Văn hóa giáo dục

Đa Tốn nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của Nho giáo từ thời Bắc thuộc. Do đó, Nho giáo và Nho học sớm chi phối sinh hoạt làng xã.

Thực tế là cả chính quyền và người dân chưa đánh giá đúng mức việc đào tạo nghề, họ xem học nghề không “đanh giá” bằng các hình thức đào tạo khác. *Có thể thấy truyền thống hiếu học được phát huy ở những vùng nông thôn “thuần nông”, nhưng vẫn nặng nếp nghĩ “trọng chữ” hơn “trọng nghề”. Đây là một quan niệm bất cập, ảnh xạ của nếp nghĩ học làm quan trong xã hội cũ.*

2.1.2.3. Văn hóa chính trị

Khảo sát các loại hình tổ chức dân cư làng xã theo 2 tiêu chí:

- Tập hợp người theo địa vực (phân bố theo ngõ, xóm).
- Tập hợp người theo huyết thống (dòng họ).

Trong sinh hoạt làng xã hiện đại, vai trò dòng họ, nhất là dòng họ lớn đang được thế chỗ bởi vai trò của các đoàn thể xã hội. Các đoàn thể xã hội đã hạn chế đến mức có thể tính cục bộ, khép kín trong quản lý làng xã hiện đại.

Khảo sát sự vận hành của hương ước:

Hương ước cũ ở Đa Tôn được thay thế bởi hương ước mới. Nó là công cụ văn hóa để phát huy vai trò các đoàn thể xã hội, bằng các biện pháp hòa giải, bằng áp lực dư luận xã hội để xây dựng nếp sống văn hóa ở địa phương. Hương ước mới đã hoàn thành tốt chức năng này.

2.1.2.4. Văn hóa gia đình

Khảo sát văn hoá gia đình trên 2 phương diện:

- Hôn nhân (Các bước đi đến hôn nhân, tiêu chí lựa chọn bạn đời)
- Gia đình (Loại hình gia đình, Quan hệ gia đình, Vai trò người phụ nữ trong gia đình)

Như vậy, bình đẳng giới, tính tự chủ, tự lập của con cái ngày càng cao là đặc điểm văn hóa gia đình trong xã hội hiện nay.

2.1.2.5. Văn hóa tín ngưỡng- tôn giáo

• Dấu ấn của đạo Phật trong sinh hoạt cộng đồng vẫn còn sâu đậm. Đa Tôn hiện còn 7 ngôi chùa. Trong số này, chùa Khoan Tế và Đào Xuyên là hai công trình có giá trị nghệ thuật cao.

• Thờ Thành hoàng, các nghi lễ khác: Các sinh hoạt tín ngưỡng cổ truyền chưa hề giảm ý nghĩa trong tâm thức của người dân địa phương, tuy nhiên, chức năng của văn hóa tín ngưỡng trong xã hội hiện nay đã có sự biến đổi.

2.1.2.6. Văn hóa lễ hội

Bên cạnh việc giao cảm với cái Thiêng, đã và đang có một hướng mới trong cách tiếp cận lễ hội của con người làng xã hiện đại: thưởng thức lễ hội. Ở đó, lễ hội vừa như một thành quả văn hoá của truyền thống cộng đồng, vừa như một cơ hội đặc dụng để con người mở rộng những trải nghiệm có tính nghiệm sinh của họ.

2.2. NINH HIỆP

2.2.1. Không gian tự nhiên- xã hội

Xã Ninh Hiệp phía Đông Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông Nam giáp xã Phù Đổng, phía Nam giáp xã Bình Nguyên, phía Tây giáp xã Yên Thường. Diện tích tự nhiên của toàn xã là 488.86ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 242.92ha, đất công nghiệp 63ha. Dân số Ninh Hiệp hiện nay (4/2009) là 15.500 người.

2.2.2. Sinh hoạt văn hóa cổ truyền

2.2.2.1. Văn hóa kinh tế

Từ rất sớm, người Ninh Hiệp đã làm quen với kinh tế hàng hóa, đó là một điểm sáng so với đa phần các làng tiểu nông khép kín thuộc đồng bằng Bắc bộ. Kinh tế Ninh Hiệp hiện tại không chỉ là sự tiếp tục mô hình truyền thống, mà quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa sẽ chuyển Ninh Hiệp thành một *làng - xã phi nông nghiệp*.

2.2.2.2. Văn hóa giáo dục

Thực trạng giáo dục hiện nay của Ninh Hiệp cho thấy mối liên hệ giữa hướng lựa chọn của người dân với ý thức *không tuyệt đối hóa mô hình học làm quan* của kẻ sĩ làng Nành thuở trước. Nó mở ra nhiều hướng lựa chọn cho người thanh niên khi họ bước vào ngưỡng cửa lập nghiệp. *Tuy nhiên, tác động tiêu cực của cơ chế thị trường dẫn đến tình trạng tăng trưởng không bền vững: sự gia tăng các giá trị vật chất đi kèm với sự suy giảm các giá trị đạo đức truyền thống. Trong khung cảnh như vậy, vai trò điều tiết của các giá trị văn hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng. Ninh Hiệp cần thay đổi chính sách đầu tư theo hướng bền vững: kết hợp đào tạo nghề, bồi dưỡng văn hóa với hoạt động kinh doanh.*

2.2.2.3. Văn hóa chính trị

- Khảo sát các loại hình tổ chức dân cư làng xã theo 2 tiêu chí:

- Tập hợp người theo địa vực: So với không gian cư trú cổ truyền, cái mới của không gian hiện đại không chỉ là sự mở rộng quy mô, mà trên hết là sự thay đổi về tính chất: làng xã đang được qui hoạch lại theo hướng *đô thị hóa*.

- Tập hợp người theo huyết thống: Ninh Hiệp có tất thảy 64 dòng họ. Ở Ninh Hiệp đã tồn tại một kiểu quan hệ êm thấm giữa các dòng họ. Đây là yếu tố quan trọng góp phần hình thành tính cách cởi mở, khoan hoà của người Ninh Hiệp về sau.

Các đoàn thể xã hội của Ninh Hiệp đã góp phần minh bạch và xã hội hóa các hoạt động của chính quyền, thực hiện tốt vai trò trung gian giữa chính quyền và nhân dân. *Ý thức làm chủ và quyền làm chủ của người dân thông qua các tổ chức xã hội dân sự được phát huy rõ rệt.*

- Hương ước:

Năm 1996, Ninh Hiệp xây dựng hương ước mới. *Chính quyền và nhân dân Ninh Hiệp khẳng định đây là “bản cam kết cộng đồng” nhằm xây dựng môi trường văn hóa làng xã trong bối cảnh của xã hội hiện đại.*

2.2.2.4. Văn hóa gia đình

Khảo sát văn hoá gia đình trên 2 phương diện:

- Hôn nhân (Các bước đi đến hôn nhân, Tiêu chí lựa chọn bạn đời)

- Gia đình: (Loại hình gia đình, Quan hệ gia đình, Vai trò người phụ nữ trong gia đình): *Từ thực tế Ninh Hiệp, một vấn đề đặt ra là, mẫu hình gia đình văn hóa mới: bình đẳng giới và quyền tự chủ của con cái, không hẳn đã tỉ lệ thuận với việc phụ nữ và trẻ em chạy theo đồng tiền, trở thành nhân vật chính của kinh tế gia đình.*

2.2.2.5. Văn hóa tôn giáo- tín ngưỡng

- Ninh Hiệp xưa là một tiểu vùng Phật giáo nổi tiếng của trấn Kinh Bắc với nhiều chùa lớn, trung tâm là chùa Cả dựng năm 1583. Bên cạnh chùa, Ninh Hiệp còn

có 3 đình, 1 đền, 2 miếu và 9 văn chỉ là các điểm thờ tự. Vai trò của chùa là không thể thay thế trong sinh hoạt tâm linh làng xã.

- Khảo sát các hiện tượng thờ Thành hoàng, Tín ngưỡng phồn thực

2.2.2.6. Văn hóa lễ hội

- Khảo sát văn hoá lễ hội trên hai cấp độ: Hội thôn, Hội làng.
- Khảo sát các phương diện: Không gian lễ hội, Thời gian lễ hội, Các bước chuẩn bị, Diễn biến hội.

Từ thực tế Ninh Hiệp, vấn đề đặt ra là: *Trong quá trình đô thị hóa, khi một làng nông nghiệp chuyển đổi thành một làng phi nông thì có những loại hình văn hóa cổ truyền vốn là sản phẩm của người nông dân làm nông nghiệp lúa nước không còn phù hợp với nhu cầu văn hóa mới của người dân trong xã hội hiện đại. Xử lý vấn đề này như thế nào để bảo tồn và phát huy những mặt tích cực của văn hóa cổ truyền?*

2.3. BÁT TRÀNG

2.3.1. Không gian tự nhiên- xã hội

Xã Bát Tràng, Bắc giáp xã Đông Dư, Đông giáp xã Đa Tốn, Nam giáp xã Xuân Quan (nay thuộc huyện Văn Giang - Hưng Yên), Tây giáp sông Hồng. Diện tích toàn xã là 164ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp (thuộc thôn Giang Cao) 16ha. Toàn xã có 7500 nhân khẩu. Số lao động liên quan đến sản xuất nông nghiệp còn chưa đầy 5% [101].

2.3.2. Sinh hoạt văn hóa cổ truyền

2.3.2.1. Văn hóa kinh tế

Bát Tràng phát triển theo hướng *kết hợp đa nghề lấy thủ công nghiệp làm hạt nhân*. Đã hình thành *đội ngũ doanh nhân Bát Tràng thời hiện đại*, tiêu biểu cho hình ảnh của một Bát Tràng năng động và trẻ trung.

2.3.2.2. Văn hóa giáo dục

Bát Tràng là một trong những làng Nho học nổi tiếng của ngoại thành Hà Nội. *Phát huy truyền thống hiếu học để giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, đồng thời để phát triển kinh tế làng nghề là nét đặc sắc của văn hóa Bát Tràng.*

2.3.2.3. Văn hóa chính trị

- Khảo sát các loại hình tổ chức dân cư làng xã theo 2 tiêu chí:
 - Tập hợp người theo địa vực (ngõ, xóm): Cũng như Ninh Hiệp, Bát Tràng ngày nay giống hình ảnh của một *phố làng* hơn là một làng gồm cổ.
 - Tập hợp người theo huyết thống: Qua thăng trầm lịch sử, từ 23 dòng họ, Bát Tràng hiện có 19 dòng họ. Ngày nay, nhiều tổ chức có vai trò và hình thức hoạt động mới đã xuất hiện. *Tính năng động của chính quyền là nguyên nhân quan trọng để Bát Tràng thực hiện thành công quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô*

hình hiện đại, tuy vậy bóng dáng của tư duy cục bộ, bè cánh vẫn thấp thoáng trong quản lí làng xã hiện đại.

- Hương ước: Hiện nay, Bát Tràng đã bãi bỏ hương ước cũ, thay bằng *quy chế dân chủ* như một hình thức hương ước mới gồm bốn chương, mười điều. *Quy chế dân chủ khai thác và phát huy lối sống tình nghĩa để giải quyết đa phần các vụ việc nảy sinh trong quan hệ làng xã.*

2.3.2.4 Văn hóa gia đình

Khảo sát văn hoá gia đình trên 2 phương diện:

- Hôn nhân (Các bước đi đến hôn nhân, Tiêu chí lựa chọn bạn đời).
- Gia đình (Loại hình gia đình, Quan hệ gia đình, Vai trò của người phụ nữ trong gia đình): *Sự cân bằng giữa nhu cầu kinh tế và nhu cầu học vấn, sự cân bằng giữa các vai trò của người bố và người mẹ là cơ sở của bình đẳng giới và sự bền vững của gia đình. Đây là đặc điểm căn bản của văn hóa gia đình các làng nghề như trường hợp Bát Tràng.*

2.3.2.5. Văn hóa tôn giáo- tín ngưỡng

- *Đình làng là tâm điểm của sinh hoạt tâm linh ở làng xã Bát Tràng.* Hiện nay, đình làng không chỉ là không gian tín ngưỡng, mà còn là biểu tượng văn hóa của cộng đồng. *Một biểu tượng vừa hàm chứa những giá trị văn hóa ngàn đời, vừa thấm đẫm một tinh thần hướng nội sâu sắc.*

- Các sinh hoạt tín ngưỡng mang tính cộng đồng, Các sinh hoạt tín ngưỡng trong phạm vi cá nhân và gia đình: Đến nay, kí ức về nghi lễ xưa vẫn còn, tuy nhiên, theo thời gian, *nó sẽ mất dần trong sinh hoạt của những cư dân chuyển mạnh sang phi nông nghiệp hoá, mà Ninh Hiệp và Bát Tràng là hai thí dụ tiêu biểu.*

2.3.2.6. Văn hóa lễ hội

Về phương diện văn hóa tôn giáo- tín ngưỡng, trong đó có văn hóa lễ hội, *Bát Tràng đang thể hiện một xu hướng phục hồi công phu và bài bản các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa của hội làng Bát Tràng đã được khai thác để phục vụ ngành du lịch.*

Tiểu kết

1. Đa Tôn là làng thuần nông, ngoại thành Hà Nội, một cộng đồng kinh tế khép kín, tự cung tự cấp, học thuyết Nho giáo chi phối toàn diện và sâu sắc lối sống làng xã. Đặc điểm ấy thể hiện từ diện mạo cảnh quan kiến trúc xóm – ngõ, lũy tre làng, sự đề cao tôn ti, ngôi thứ trong gia đình và xã hội, lệ phân biệt chính cư, ngụ cư cho đến quan hệ giao thương nhỏ hẹp.

Khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn mới chỉ là những bước đi ban đầu, thì áp lực của kinh tế hàng hóa và làn sóng đô thị hóa đến với Đa Tôn có thể nói là mạnh mẽ và đột ngột, buộc nó phải nhanh chóng chuyển đổi.

Những mặt trái của cơ chế thị trường và của lối sống đô thị nhanh chóng tràn về nông thôn. Trong bối cảnh ấy, sự xung đột giữa các khuôn mẫu văn hóa cũ và mới là không tránh khỏi.

Điều ấy có nghĩa là, khi những thành tựu của Đổi mới chưa đủ mạnh và triệt để, khi những tiền đề chính trị- xã hội và kinh tế của thời đại mới chưa được thiết lập đồng bộ và vững chắc, thì việc bảo tồn và phát huy những mặt tích cực của văn hóa cổ truyền gặp nhiều trở ngại, trái lại, những mặt tiêu cực của văn hóa cổ truyền còn có đất để tồn tại và níu kéo.

Bài học của Đa Tốn về việc khai thác, đổi mới và phát huy văn hóa cổ truyền có tính phổ biến cho đa số làng xã nông thôn Việt Nam trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

2. Ninh Hiệp khởi lên từ một làng hỗn hợp (nông - công - thương) mà yếu tố thương nghiệp ngày càng vượt trội. Ninh Hiệp với diện tích chưa đầy 500ha, dân số 15.000 người nhưng có đến 64 dòng họ. Lệ làng không phân biệt chính cư, ngụ cư, nghĩa là một kết cấu xã hội mở. Người dân không tuyệt đối hóa con đường lập thân chỉ có học để làm quan mà sớm quen với quan hệ giao thương rộng rãi. Hoạt động thương mại ở Ninh Hiệp chẳng những không có lợi thế vị trí địa lý gắn với các trục đường giao thông, bến bãi, mà nguồn hàng hóa cũng không được sản xuất tại chỗ, nghĩa là bí quyết kinh doanh, nếu không muốn nói tới “buôn gian, bán lận” thì cũng chỉ là nghệ thuật “mua rẻ, bán đắt” của cô hàng xén vốn nhỏ thuở xưa áp dụng cho bà chủ sạp hàng vốn lớn ngày nay. Khả năng phát triển của nó phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài và không tránh khỏi bị chi phối bởi yếu tố may rủi. Phổ biến hiện tượng đi lễ chùa, vay vốn và tạ ơn Bà Chúa Kho là điều dễ hiểu.

“Làng buôn” Ninh Hiệp và văn hóa cổ truyền Ninh Hiệp sẽ phát triển theo hướng nào?

Trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển của xã hội Việt Nam, những làng xã ven đô như Ninh Hiệp sẽ từng bước chuyển đổi thành “phố làng” mà yếu tố “làng” ngày càng nhạt, yếu tố “phố” ngày càng đậm. Văn hóa cổ truyền gắn với nguồn gốc làng nông nghiệp lúa nước có nguy cơ mai một. Luận án đã phân tích tình trạng biến mất và khó có khả năng phục hồi của tín ngưỡng phồn thực và *hội chính* ở Ninh Hiệp là những minh chứng cụ thể cho thực tế này.

Mặt khác, khi yếu tố “phố” ngày càng đậm, văn hóa đô thị có điều kiện tràn về làng lại không tránh khỏi tình trạng lai tạp, xô bồ, tính chất “chợ búa” nhiều hơn tính chất “thành phố”.

Ninh Hiệp, cũng như các làng xã ngoại vi thành phố cần những chính sách, những giải pháp cụ thể, thiết thực chứ không thể áp dụng đường lối chung chung cho

nông thôn trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa cổ truyền phù hợp với yêu cầu của người dân trong bối cảnh xã hội đang biến đổi từng ngày hiện nay.

3. Bát Tràng xuất phát từ một làng nông nghiệp bán công, mà yếu tố “thủ công” có phần ưu trội, để rồi từng bước trở thành làng nghề phi nông. Bát Tràng cũng là một làng có truyền thống Nho học. Cùng với sản phẩm gốm địa phương có mặt nơi cung đình, con em Bát Tràng nhiều người thành đạt, làm quan trong các triều đại nhà nước phong kiến nên Bát Tràng sớm có quan hệ gắn bó với kinh đô Thăng Long. Cả hai phương diện ấy tạo cho nó một kết cấu xã hội chặt chẽ dựa trên ý thức sâu sắc về cội nguồn, ý thức liên kết dòng họ và nguyên tắc bí mật nghề nghiệp. Nhưng là một làng nghề, Bát Tràng sớm phát triển quan hệ giao thương rộng rãi. Vì vậy, “nửa khép- nửa mở” trở thành đặc tính kép của Bát Tràng.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đặt Bát Tràng trước những cơ hội và cả những thách thức lớn: tồn tại hay không tồn tại. Để mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, Bát Tràng phải nhanh chóng áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào các công đoạn sản xuất, phải đào tạo lực lượng lao động trẻ, có học vấn và đạo đức tốt, có tay nghề và tâm huyết với nghề, phải khai thác, bồi dưỡng và tôn vinh nghề nhân. Đây là con đường khai thác và phát huy truyền thống văn hóa làng nghề.

Thương hiệu gốm sứ Bát Tràng chỉ được khẳng định khi bản sắc văn hóa dân tộc và tính độc đáo địa phương, khi hàm lượng trí tuệ và gu thẩm mỹ tinh tế của người Việt Nam, người Bát Tràng thực sự trở thành chất lượng của sản phẩm hàng hóa.

Đi con đường ấy, không những thương hiệu Bát Tràng được quảng bá bằng hàng hóa trên thị trường, mà *huong trấn* Bát Tràng cũng sẽ là một địa chỉ du lịch hấp dẫn. Dĩ nhiên, chỉ có thể là một điểm đến thu hút khách thập phương khi văn hóa làng nghề Bát Tràng được khai thác tối ưu trở thành sản phẩm hàng hóa dịch vụ du lịch, *khi và chỉ khi Bát Tràng đến hiện đại từ truyền thống*.

Đó là con đường *phát triển bền vững*, đi lên bằng chính nội lực của mình, khai thác tối đa những giá trị văn hóa cổ truyền để xây dựng một cộng đồng văn hóa giàu mạnh trong đời sống hiện đại.

CHƯƠNG 3

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

3.1. NHỮNG NHÂN TỐ CƠ BẢN TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986 đến nay đã tạo ra những nhân tố chính trị, kinh tế, xã hội làm biến đổi cả hình thức và nội dung văn hóa cổ truyền trong đời sống của người dân làng xã trên tất cả các phương diện. Có thể quy về bốn nhân tố cơ bản sau đây:

3.1.1. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường kích thích tính tích cực và tiềm năng sáng tạo của con người, hình thành một cách phổ biến các nhân cách độc lập, phát triển tính tự chủ của cá nhân, tạo không gian giao tiếp rộng lớn và phong phú cho từng cá nhân để đổi mới tư duy, phát triển đời sống tinh thần, nhờ đó đã hình thành nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức, tính tích cực công dân được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích.

Mặt khác, kinh tế thị trường cũng chứa đựng những khuyết tật và tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa xã hội. Cả hai phương diện ấy đều tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến xu hướng biến đổi văn hóa cổ truyền, đời sống văn hóa cổ truyền phải đổi mới cả hình thức lẫn nội dung để đáp ứng những nhu cầu mới của con người trong xã hội hiện đại.

3.1.2. Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự

Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân đã tạo ra những giá trị mới tích cực.

Đó là quá trình dân chủ hóa mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phát triển mạnh mẽ các tiềm năng con người, các năng lực xã hội, phát huy nội lực để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Truyền thống tình làng nghĩa xóm kết hợp với ý thức công dân hiện thực hóa thành những phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa.

Xã hội hiện đại đòi hỏi thượng tôn pháp luật. Tuy nhiên, chuẩn mực pháp lý là yêu cầu tối thiểu, sống đúng luật là bắt buộc. Chuẩn mực văn hoá là yêu cầu tối đa, sống có văn hoá đòi hỏi tính tự giác, tự nguyện cao. Cùng với Nhà nước pháp quyền phải là một xã hội dân sự, một xã hội phát huy vai trò ngày càng lớn của mỗi công dân trong các tổ chức chính trị- xã hội và đoàn thể quần chúng tự nguyện của họ.

Cũng như người dân cả nước, người dân Ninh Hiệp, Bát Tràng, Đa Tôn không tồn tại trong không gian khép kín làng xã, trái lại, không gian sống của họ được mở rộng rất nhiều, từ không gian kinh tế đến không gian xã hội. Quan hệ xã hội kiểu mới

xoá bỏ dần tâm lý tiểu nông cố hữu, lối sống cá thể hoà tan vào cộng đồng, hình thành con người cá nhân hài hoà vừa là cá thể - nghĩa vụ, vừa là cá thể - quyền lợi..

3.1.3. Nền giáo dục hiện đại

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu. “Phát triển giáo dục-đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người”.

Nền giáo dục kiểu mới đã góp phần to lớn nâng cao trình độ dân trí, đem tri thức trở thành một trong những yếu tố cơ bản xác định phẩm chất của chủ thể kinh tế và cũng là chủ thể văn hóa, một yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.1.4. Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin đã tác động mạnh mẽ lên mọi mặt của đời sống văn hóa xã hội. Nó mở rộng mọi chiều kích không gian sống của con người, làm cho quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế trở nên hiện thực và hiệu quả nhanh chóng, làm thay đổi quan niệm giá trị cả trên phương diện văn hóa kinh tế, văn hóa chính trị, văn hóa giáo dục, văn hóa gia đình cho đến văn hóa giải trí, từ đó, đã tác động mạnh mẽ vào quá trình biến đổi nhân cách, cả theo hướng tích cực lẫn tiêu cực.

Xu hướng biến đổi văn hóa cổ truyền trong bối cảnh của xã hội hiện nay chịu tác động mạnh mẽ của các phương tiện thông tin đại chúng. Một thực tế diễn ra trong nông thôn nước ta là hệ thống thông tin đại chúng đã làm thay đổi từ cách thức đến nội dung hoạt động văn hóa giải trí. Nhiều hình thức văn nghệ dân gian, nhiều trò chơi dân gian có nguy cơ mai một dần, thay vào đó là những hình thức mới, từ đọc báo, nghe đài, xem tivi cho đến các trò chơi điện tử. Nó xuất hiện trong sinh hoạt gia đình, trong đời sống cộng đồng, trong sinh hoạt lễ hội và tôn giáo tín ngưỡng. Nó tác động đến cách phân bố lại thời gian rỗi của người nông dân, và trên hết, nó tác động đến tâm lý và nhu cầu văn hóa của họ.

Tuy nhiên, thông tin đa chiều nhiều khi bị sử dụng theo hướng tiêu cực, chẳng hạn các tệ nạn xã hội mới ở nông thôn, thứ sản phẩm ngoại sinh được du nhập vào làng xã có xu hướng ngày càng gia tăng.

3.2. NHỮNG XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI SINH HOẠT VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN

3.2.1. Xu hướng tiếp tục tồn tại mặt tiêu cực của văn hóa cổ truyền

Khi tư cách và năng lực làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân của người nông dân còn nhiều hạn chế, những mặt trái của cơ chế thị trường, của công nghệ thông tin đang bị một bộ phận dân cư lợi dụng, thì những thói hư tật xấu

của lối sống làng xã khép kín, tự trị, tâm lý bầy đàn, bè cánh... có đất phục hồi. Luận án xem đây là *xu hướng tiếp tục tồn tại mặt tiêu cực của văn hóa cổ truyền*.

Bất cứ phương diện nào trong đời sống văn hóa cộng đồng cũng có thể khai thác, phát huy mặt tích cực hoặc ngược lại, bảo lưu mặt tiêu cực, hạn chế. Luận án chọn phân tích chi tiết hơn loại hiện tượng mê tín. Đó là những biểu hiện cực đoan, vượt quá giới hạn của sự tỉnh táo trong hành vi tế lễ nơi đền miếu, hầu đồng, vay trả lễ, loại hiện tượng có tính phổ biến và thậm chí có chiều hướng gia tăng.

Khi cuộc sống còn khốn đốn bởi khó khăn nhiều mặt, bởi bất công xã hội và cả những tai họa ngẫu nhiên khôn lường vượt ra ngoài tầm kiểm soát, con người chưa có đủ tri thức và những định chế xã hội cần thiết để tự vệ hữu hiệu thì người nông dân làng xã lại tìm đến và cầu mong lực lượng siêu nhiên, các vị thần hộ mệnh che chở người lành và diệt ác trừ tà. Hiện tượng mê tín cho thấy sự chi phối của yếu tố may rủi, khi mà “chất xám”, tri thức và công nghệ chưa thực sự trở thành nhân tố cơ bản quyết định chất lượng hoàng hoá và thu nhập của người sản xuất kinh doanh.

Một hiện tượng tiêu cực khác là thói lợi dụng các dịp hiếu hỉ để tổ chức ăn uống linh đình. Khi vượt qua cái đói truyền kiếp và có cuộc sống no đủ thì người nông dân dễ có xu hướng đề cao việc thoả mãn nhu cầu vật chất. Nhưng đề cao thái quá, lấy chức vụ, địa vị, giàu sang, hưởng thụ vật chất làm mục tiêu ganh đua nhau thì đó cũng là biểu hiện của căn tính nông dân trong một xã hội dân trí thấp, dẫn đến tiêu xài lãng phí và kéo theo nhiều tệ nạn xã hội. Tệ tổ chức ăn uống linh đình như một hiện tượng tiêu cực là nhìn từ góc độ này.

3.2..2. Xu hướng phát huy mặt tích cực của văn hóa cổ truyền

Nếu những nhân tố mới được tạo lập đồng bộ, bền vững và triệt để sẽ là cơ sở kinh tế - xã hội của một nền văn hóa mới, trong đó những di sản văn hóa cổ truyền được khai thác, cấu trúc lại, đổi mới chức năng phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại. Luận án xem đây là *xu hướng phát huy mặt tích cực của văn hóa cổ truyền*. Đó là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội hiện nay

Luận án lựa chọn hai hiện tượng: hội làng và hương ước, phân tích sự tái tạo lại chúng trong đời sống hiện đại như những hiện tượng tiêu biểu cho xu hướng tích cực trong việc khai thác và phát huy văn hoá cổ truyền.

*** Hội làng**

Hai tính chất cơ bản của lễ hội cổ truyền vận hành trong xã hội cũ là:

Thứ nhất, yếu tố thiêng của lễ hội, niềm tin rằng nhân vật phụng thờ có thể can thiệp trực tiếp vào đời sống thực tại của người dân, che chở cho họ tai qua nạn khỏi, ăn nên làm ra là nguồn cảm hứng chủ đạo để người dân đến với lễ hội. Chức năng cơ bản của lễ hội cổ truyền trong xã hội cũ là chức năng *hướng nội*. Cùng với những nghĩa vụ và quyền lợi trong cuộc sống thực tế, tín ngưỡng trở thành một chất keo kết

dính quan hệ cộng đồng, gắn bó mọi thành viên làng xã trong mối quan hệ “cộng mệnh, cộng cảm” không chỉ “phần xác” mà cả “phần hồn”.

Thứ hai, tín ngưỡng, một mặt là chỗ đồng thuận giữa chính quyền và người dân, mặt khác, bộ máy cai trị của nhà nước chuyên chế rất biết cách khai thác sức mạnh của thần quyền hỗ trợ cho thế quyền nhằm khống chế chặt chẽ cả phần xác lẫn phần hồn. Vì vậy, lễ hội cũng là dịp khẳng định quyền uy và trật tự làng xã.

Những tính chất đã lỗi thời ấy là mặt tiêu cực của lễ hội. Nó cần được loại bỏ khi lễ hội cổ truyền vận hành trong xã hội hiện đại.

Khi người nông dân có năng lực và có điều kiện để làm chủ bản thân, làm chủ làng xã thì tín ngưỡng không là cứu cánh duy nhất nữa, niềm tin vào sự *linh thiêng* của thần thánh chuyển hoá dần, nhường chỗ cho những tình cảm *thiên liêng* trở thành cảm hứng chủ đạo của lễ hội cổ truyền trong bối cảnh xã hội hiện đại. Lễ hội bây giờ không phải để xác lập áp lực của thần linh mà là để chính người dân tự thể hiện, tự khẳng định mình, để khoe và mời gọi bạn dân thiên hạ đến với làng mình. *Hướng ngoại* là chức năng không thể thiếu của lễ hội cổ truyền hiện nay.

Tính chất của phần *lễ* biến đổi, nội dung của phần *hội* càng biến đổi mạnh mẽ hơn. Chức năng tín ngưỡng của lễ hội có phần giảm thiểu, nhưng chức năng giải trí lại được tăng cường. Mặt khác, lễ hội gia tăng tình cảm gắn bó cộng đồng, khẳng định vai trò của mỗi cá nhân và các đoàn thể quần chúng trong một xã hội dân sự. Sự thay đổi chức năng này thể hiện trong tất cả các công đoạn, các thao tác vận hành lễ hội như một xu hướng tích cực cần được nghiên cứu bài bản và thực thi phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương.

* **Hương ước**

Là công cụ quản lý làng xã, hương ước là sự lồng ghép thần quyền với thế quyền, gia tăng áp lực cai trị của bộ máy chuyên chế lên người dân nhằm kiểm soát cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Thể chế hoá nghĩa vụ và quyền lợi cả phần xác lẫn phần hồn của mỗi người dân trong cộng đồng, hương ước khuyến khích tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương, tư tưởng địa vị, ngôi thứ chi phối đời sống làng xã và để lại những hậu quả nặng nề.

Hương ước làm tăng thêm tư tưởng ganh đua, bon chen, làm trầm trọng những hủ tục gây tổn phí về sức lực, tiền của, thời gian, khoét sâu thêm phân hoá giàu nghèo, ngôi thứ và những mây thuẫn trong nội bộ làng xã, truyền bá mê tín dị đoan, tôn thờ và lệ thuộc vào những lực lượng siêu nhiên, không tồn tại trong thực tế.

Mác và F. Anghen nhận xét rằng công xã nông thôn là cơ sở tự nhiên của nền chuyên chế phương Đông. Môi trường ấy đã hạn chế lý trí con người, cầm tù họ trong những khuôn khổ chật hẹp nhất, trở thành công cụ ngoan ngoãn của mê tín, bị trói buộc trong xiềng xích nô lệ của thói quen, của quy tắc cổ truyền, mất hết sự vĩ đại và

tính chủ động trong lịch sử, biến họ thành nô lệ của bản thân mình, thành lực cản cho chính sự phát triển con người cá nhân. Đó là mặt hạn chế của hương ước.

Tái lập hương ước trong nông thôn hiện nay phải loại bỏ những mặt tiêu cực nêu trên. Không nên chấp nhận quan niệm xem hương ước mới như một công cụ quản lý làng xã, một văn bản pháp lý “cùng với luật pháp để quản lý toàn diện đời sống cộng đồng”, xem hương ước như một kiểu làng xã hoá pháp luật Nhà nước, “cụ thể hoá luật và chuyển tải luật vào hoàn cảnh thực tế của từng làng .

Không thể xây dựng nếp sống văn hoá chỉ bằng những quy định có tính pháp lý mà phải là những cam kết đồng thuận của tất cả mọi thành viên, nhằm phát huy tối đa vai trò của họ trong các tổ chức xã hội dân sự, tự nguyện, tự quản phi vụ lợi, thể hiện quá trình dân chủ hoá với sự tham gia ngày càng trực tiếp, rộng rãi của nhân dân trong đời sống chính trị xã hội, trong việc tự giác tổ chức đời sống của mình ngày càng tốt đẹp hơn.

Hương ước mới hướng nhiều hơn đến các vấn đề cá nhân hay liên quan mật thiết tới *con người cá nhân*, điều hầu như vắng mặt trong hương ước cũ. Các hương ước mới đều đề cập đến vấn đề *xây dựng gia đình văn hoá*, nhấn mạnh các yêu cầu tích cực lao động sản xuất, chăm sóc con cái học hành chu đáo, gia đình hòa thuận, bình đẳng, sống có kỷ cương, nề nếp, chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp Nhà nước và quy định của địa phương, làm tròn nghĩa vụ công dân, đoàn kết tương trợ tốt trong cộng đồng thôn xóm.

Tiểu kết

- Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước “của dân, do dân, vì dân”, nền giáo dục hiện đại, xã hội dân chủ hoá và đa dạng hoá thông tin trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là những nhân tố cơ bản làm biến đổi môi trường sống (cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội), biến đổi bản thân người nông dân, làm xuất hiện những phẩm chất mới và nhu cầu mới, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần phù hợp với đời sống của con người trong xã hội hiện đại.

Khi các nhân tố của sự nghiệp đổi mới chưa đồng bộ, chưa triệt để, khi người nông dân chưa thực sự có đủ những điều kiện chủ quan và khách quan để làm chủ cuộc sống của mình, vẫn bị chi phối và bất lực trước những bất công và bất trắc thì những hiện tượng tiêu cực trong văn hoá cổ truyền vẫn còn đất để đeo bám và nảy nở. Hiện tượng mê tín cho thấy sự chi phối của yếu tố may rủi, khi mà “chất xám”, tri thức và công nghệ chưa thực sự trở thành nhân tố cơ bản quyết định chất lượng hoàng hoá và thu nhập của người sản xuất kinh doanh. Đó là xu hướng tiêu cực, một xu hướng sẽ bị loại dần nhưng không thể ngày một ngày hai.

Những nhân tố mới trong đời sống kinh tế- xã hội đang làm thay đổi và nâng cao chất lượng môi trường sống của người nông dân, nâng cao chất lượng bản thân người nông dân, phát triển những năng lực mới và nhu cầu văn hoá mới. Di sản văn hoá của các thế hệ trước sẽ được tiếp nối, tái tạo lại, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và đáp ứng những đòi hỏi mới của người nông dân và nông thôn Việt Nam hiện nay. Đó là xu hướng tích cực, và tất yếu của việc phục hưng sinh hoạt văn hoá cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại.

KẾT LUẬN

1. Mỗi thời đại có văn hoá riêng của nó. Văn hoá của thời hiện đại khác với văn hoá của các thời đại đã qua, nhưng không có nghĩa nó nảy sinh trên nền đất trống. Văn hoá cổ truyền đang vận hành như thế nào trong thời hiện đại khi mà cơ sở kinh tế - xã hội của nó đã thay đổi? Nó có tác dụng tích cực hay tiêu cực trong quá trình đổi mới? *Đây là vấn đề luôn mang tính thời sự vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn.*

Nông thôn Việt Nam đang trong quá trình đô thị hoá ngày càng mạnh mẽ. Nghiên cứu văn hoá cổ truyền vận hành trong bối cảnh xã hội hiện nay cũng chính là nghiên cứu văn hoá nông thôn trong quá trình đô thị hoá. *Quá trình này diễn ra ở nông thôn vùng sâu, vùng xa khác với nông thôn sát cạnh đô thị lớn, ở những làng thuần nông khác với làng nghề hoặc làng hỗn hợp nông- công- thương.*

2. Tiếp nhận thành quả nghiên cứu của các nhà khoa học, khái niệm “văn hoá cổ truyền” trong luận án này được hiểu là *một hình thái văn hoá - lịch sử, sản phẩm của xã hội truyền thống.* Ở Việt Nam, loại hình văn hoá này đã được thay thế bởi một loại hình văn hoá lịch sử mới trong quá trình giao lưu tiếp xúc với phương Tây, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 với sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nghiên cứu văn hoá cổ truyền trong thời kỳ đổi mới là nghiên cứu phương thức mà một hình thái văn hoá - lịch sử đã đi qua, nhưng sản phẩm của nó đang vận hành trong bối cảnh của xã hội hiện đại.

Đã có nhiều công trình khảo sát, mô tả các hiện tượng văn hoá cổ truyền. Cái mới của luận án là phân tích, đánh giá thực trạng văn hoá cổ truyền như sự vận hành của *hệ thống các định chế xã hội - văn hoá*, đồng thời, phân tích những nhân tố tác động đến xu hướng biến đổi văn hoá cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay

3. Để hiểu văn hoá cổ truyền phải phân tích *cơ sở kinh tế - xã hội*, cái môi trường đã sản sinh ra nó. Những đặc điểm của thể chế kinh tế - chính trị trong xã hội truyền thống quy định những đặc điểm của văn hoá cổ truyền.

Nếu văn hoá làng là phương thức vận hành của văn hoá cổ truyền thì *văn hoá gia đình* là đơn vị cơ bản. Gia đình là đơn vị bảo lưu lâu dài nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá cổ truyền.

Mặt khác, diện mạo và những đặc điểm của văn hoá cổ truyền cũng bị quy định bởi diện mạo và những đặc điểm của *thể chế giáo dục* trong thời đại của nó. Sinh hoạt giáo dục, vai trò của bộ phận trí thức trong xã hội nông nghiệp, từ thầy mo, thầy cúng đến thầy đồ có ý nghĩa quan trọng, tạo nên diện mạo từng giai đoạn lịch sử của văn hoá cổ truyền.

Nói đến văn hoá cổ truyền thì diện mạo tinh thần và nội dung cơ bản của nó gắn liền với đời sống tâm linh, *sinh hoạt tín ngưỡng và tôn giáo*.

4. Khảo sát thực tế ở ba xã Đa Tốn, Bát Tràng, Ninh Hiệp cho thấy văn hoá cổ truyền, và nói chung, di sản quá khứ để lại đang tồn tại trong đời sống nông thôn hiện nay không phải vận hành nguyên như cũ mà luôn luôn biến đổi.

Khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn mới chỉ là những bước đi ban đầu thì áp lực của kinh tế hàng hóa và làn sóng đô thị hóa đến với Đa Tốn có thể nói là mạnh mẽ và đột ngột, buộc nó phải nhanh chóng chuyển đổi. Những mặt trái của cơ chế thị trường và của lối sống đô thị nhanh chóng tràn về nông thôn. Trong bối cảnh ấy, sự xung đột giữa các khuôn mẫu văn hóa cũ và mới là không tránh khỏi.

Điều ấy có nghĩa là, khi những thành tựu của Đổi mới chưa đủ mạnh và triệt để, khi những tiền đề chính trị- xã hội và kinh tế của thời đại mới chưa được thiết lập đồng bộ và vững chắc, thì việc bảo tồn và phát huy những mặt tích cực của văn hóa cổ truyền gặp nhiều trở ngại, trái lại, những mặt tiêu cực của văn hóa cổ truyền còn có đất để tồn tại và níu kéo.

Bài học của Đa Tốn về việc khai thác, đổi mới và phát huy văn hóa cổ truyền có tính phổ biến cho đa số làng xã nông thôn Việt Nam trong quá trình đô thị hóa hiện nay

Trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển của xã hội Việt Nam, *những làng xã ven đô như Ninh Hiệp sẽ từng bước chuyển đổi thành “phố làng” mà yếu tố “làng” ngày càng nhạt, yếu tố “phố” ngày càng đậm*. Văn hóa cổ truyền gắn với nguồn gốc làng nông nghiệp lúa nước có nguy cơ mai một. Mặt khác, khi yếu tố “phố” ngày càng đậm, văn hóa đô thị có điều kiện tràn về làng lại không tránh khỏi tình trạng lai tạp, xô bồ. Ninh Hiệp, cũng như các làng xã ngoại vi thành phố cần những chính sách, những giải pháp cụ thể, thiết thực chứ không thể áp dụng đường lối chung chung cho nông thôn trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa cổ truyền phù hợp với yêu cầu của người dân trong bối cảnh xã hội đang biến đổi từng ngày hiện nay.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đặt Bát Tràng trước những cơ hội và cả những thách thức lớn. Con đường tồn tại duy nhất là phát triển, là khẳng định một thương hiệu gồm sứ Bát Tràng trên thị trường trong nước và quốc tế. Đi con đường ấy, Bát Tràng phải phát huy nội lực và có đủ điều kiện để phát huy nội lực của mình.

Đi con đường ấy, không những thương hiệu Bát Tràng được quảng bá bằng hàng hóa trên thị trường, mà *huong trấn* Bát Tràng cũng sẽ là một địa chỉ du lịch hấp dẫn. Dĩ nhiên, chỉ có thể là một điểm đến thu hút khách thập phương khi văn hóa làng nghề Bát Tràng được khai thác tối ưu trở thành sản phẩm hàng hóa dịch vụ du lịch, *khi và chỉ khi Bát Tràng đến hiện đại từ truyền thống*. Đó là con đường *phát triển bền vững*, đi lên bằng chính nội lực của mình, khai thác tối đa những giá trị văn hóa cổ truyền để xây dựng một cộng đồng văn hóa giàu mạnh trong đời sống hiện đại.

5. Một nhiệm vụ của luận án là làm rõ những nhân tố cơ bản tác động đến sự biến đổi ấy và xu hướng biến đổi sinh hoạt văn hoá cổ truyền trong bối cảnh của xã hội hiện đại diễn ra như thế nào, cần phải làm gì để phát huy hơn nữa những giá trị tích cực của văn hoá cổ truyền trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chính quyền “của dân, do dân, vì dân”; nền giáo dục hiện đại và xã hội bùng nổ thông tin trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá đã làm thay đổi bản thân người nông dân, thay đổi không gian sống của họ, cả không gian vật lý và không gian xã hội. Không chỉ có kinh nghiệm mà học vấn, tri thức lý luận và thành tựu công nghệ ngày càng có vai trò then chốt trong việc phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng đời sống. Không chỉ, hay đúng hơn không phải thần linh mà ánh sáng khoa học, môi trường pháp lý minh bạch và sức mạnh của các định chế xã hội dân chủ là những công cụ có thật và hữu hiệu giúp người nông dân thực thi quyền làm chủ thiêng liêng của chính mình, làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên.

Bảo tồn và phát huy văn hoá cổ truyền không đơn giản chỉ là phục hiện các di sản văn hoá phi vật thể hay tôn tạo các di sản văn hoá vật thể. Vấn đề là ở chỗ nó được đưa vào vận hành như thế nào trong đời sống hiện đại. Nó phải được tái tạo lại, cấu trúc lại xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống mới, phát sinh chức năng mới nhằm đáp ứng nhu cầu của những con người đã đổi mới trong bối cảnh xã hội hiện nay.

6. Khi người nông dân có năng lực và có điều kiện để làm chủ bản thân, làm chủ làng xã thì tín ngưỡng không là cứu cánh duy nhất nữa, niềm tin vào sự *linh thiêng* của thần thánh chuyển hoá dần, nhường chỗ cho những tình cảm *thiên liêng* trở thành cảm hứng chủ đạo của lễ hội cổ truyền trong bối cảnh xã hội hiện đại. Lễ hội bây giờ không phải để xác lập áp lực của thần linh mà là để chính người dân tự thể hiện, tự khẳng định mình, để khoe và mời gọi bàn dân thiên hạ đến với làng mình. *Hương ngoại* là chức năng không thể thiếu của lễ hội cổ truyền hiện nay.

Mặt khác, lễ hội cổ truyền cũng không để củng cố quyền uy của trật tự chuyên chế nho giáo mà là để gia tăng tình cảm gắn bó cộng đồng, khẳng định vai trò của mỗi cá nhân và các đoàn thể quần chúng trong một xã hội dân sự.

7. Hương ước đã từng được sử dụng như một công cụ để quản lý làng xã, để nhà nước quân chủ chuyên chế áp đặt tư tưởng Nho giáo và đời sống xã hội làng xã, can thiệp vào làng và quản lý làng. Hương ước là sự lồng ghép thân quyền với thế quyền, gia tăng áp lực cai trị của bộ máy chuyên chế lên người dân nhằm kiểm soát cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần của họ.

Tái lập hương ước trong nông thôn hiện nay phải loại bỏ những mặt tiêu cực nêu trên. Không nên chấp nhận quan niệm xem hương ước mới như một công cụ quản lý làng xã, một văn bản pháp lý cùng với luật pháp để quản lý toàn diện đời sống cộng đồng, xem hương ước như một kiểu làng xã hoá pháp luật nhà nước, cụ thể hoá luật và chuyển tải luật vào hoàn cảnh thực tế của từng làng. Chuẩn mực pháp lý là yêu cầu tối thiểu, sống đúng luật là bắt buộc, là sống *đúng*. Sống với những tiện nghi sinh hoạt hiện đại, văn minh là sống *tốt*. Sống với những chuẩn mực văn hoá là sống *đẹp*.

8. Chất lượng môi trường sống của người nông dân, chất lượng bản thân người nông dân ngày càng được nâng cao, phát triển những năng lực mới và nhu cầu văn hoá mới. Di sản văn hoá của các thế hệ trước sẽ được tiếp nối, tái tạo, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và đáp ứng những đòi hỏi mới của người nông dân và nông thôn Việt Nam hiện nay.

Đó là *xu hướng tích cực*, và tất yếu của việc phục hưng văn hoá cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại.